

CÁC XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Bùi Thị Vân Anh

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: vananhv3@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/12/2025; ngày hoàn thành phản biện: 13/3/2026; ngày duyệt đăng: 20/3/2026

TÓM TẮT

Trong những thập niên gần đây, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế đã thúc đẩy sự biến đổi mạnh mẽ mô hình hôn nhân và gia đình trên phạm vi toàn cầu và tại Việt Nam. Hôn nhân ngày càng đa dạng với xu hướng xuyên quốc gia, tự do, bình đẳng giới; gia đình có xu hướng thu hẹp nhiều thế hệ, nhường chỗ cho cấu trúc hạt nhân nhỏ gọn, linh hoạt, đề cao tính độc lập và vai trò phụ nữ tham gia nhiều hơn vào đời sống kinh tế, nam giới chia sẻ công việc nội trợ, trẻ em có quyền tự chủ lớn hơn. Quá trình biến đổi này mang lại nhiều giá trị tiến bộ nhưng cũng đặt ra thách thức, như gia tăng ly hôn, xung đột giá trị truyền thống - hiện đại và những vấn đề trong quản lý hôn nhân, gia đình. Bằng phương pháp tổng quan tài liệu kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh, bài viết này làm rõ các xu hướng biến đổi và một số vấn đề đặt ra về hôn nhân, gia đình hiện nay trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

Từ khóa: Biến đổi hôn nhân, biến đổi gia đình, hôn nhân, gia đình.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hôn nhân và gia đình vừa là thiết chế xã hội, vừa là không gian tồn tại của các mối quan hệ tình cảm, quyền lực và chức năng kinh tế - xã hội. Do đó, những biến động trong cấu trúc, chức năng của hôn nhân và gia đình luôn phản ánh các quá trình biến đổi xã hội. Trong mấy thập kỷ gần đây, thế giới chứng kiến những biến đổi rõ nét trong mô hình hôn nhân và gia đình. Theo đó ở Việt Nam, sự biến đổi hôn nhân và gia đình mang lại nhiều cơ hội, song cũng đặt ra những thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua nghiên cứu này, tác giả phân tích các xu hướng biến đổi và nêu lên một số vấn đề đặt ra về hôn nhân, gia đình hiện nay trên phạm vi thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tác giả sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu, thông qua việc thu thập, phân tích, hệ thống hóa và so sánh các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã công bố trong vòng hơn hai thập kỷ qua. Nguồn tư liệu gồm các sách, bài viết học thuật, các công trình nghiên cứu chuyên sâu của các tác giả về biến đổi hôn nhân và gia đình tại Việt Nam và thế giới; Các báo cáo quốc tế và quốc gia của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UNWOMEN), Tổng cục Thống kê, Báo cáo Mục tiêu phát triển bền vững, ... Đồng thời, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh để làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa xu hướng chung trên thế giới và Việt Nam.

3. XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI HÔN NHÂN TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Hôn nhân xuyên quốc gia

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hôn nhân xuyên quốc gia ngày càng trở thành hiện tượng phổ biến trên phạm vi toàn cầu. Ở châu Âu và Bắc Mỹ, hôn nhân khác chủng tộc, khác quốc tịch đã gia tăng mạnh mẽ trong nửa sau thế kỷ XX. Theo nghiên cứu của Gretchen Livingston và Anna Brown (2017), tỷ lệ hôn nhân khác chủng tộc tại Hoa Kỳ đã tăng từ 3% năm 1967 lên 17% vào năm 2015 [5, tr. 5]. Tại Hồng Kông, tỷ lệ kết hôn xuyên quốc gia đạt 51% vào năm 2005 và sau đó ở mức khoảng 45% trong suốt thập niên 2010 [11, tr. 3]. Tại Anh, sự gia tăng hôn nhân hỗn hợp trong cộng đồng nhập cư phản ánh mức độ hội nhập và giao lưu văn hóa ngày càng sâu rộng. Những cuộc hôn nhân này vừa tạo cơ hội giao thoa văn hóa, vừa tiềm ẩn thách thức do khác biệt ngôn ngữ, tôn giáo, tập quán và định kiến xã hội [6, tr. 183 - 194].

Tại Việt Nam, hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia trở nên khá phổ biến trong vài thập niên gần đây. Năm 2021, cả nước có hơn 2.000 cuộc kết hôn có yếu tố nước ngoài. Đến năm 2023, số cuộc kết hôn có yếu tố nước ngoài đã tăng lên 19.000 cuộc [3, tr. 53]. Nhóm phụ nữ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn lựa chọn kết hôn với nam giới đến từ Hàn Quốc, lãnh thổ Đài Loan, Trung Quốc... ngày càng nhiều. Các cuộc hôn nhân này không đơn thuần là lựa chọn cá nhân mà mang tính cấu trúc, bị chi phối bởi sự mất đối của “thị trường hôn nhân” trong nước, chênh lệch kinh tế giữa quốc gia, và cả sự phát triển của các dịch vụ môi giới hôn nhân [14, tr. 109, 111]. Trong nhiều trường hợp, hôn nhân xuyên quốc gia mang lại cơ hội cải thiện kinh tế cho phụ nữ và gia đình họ. Ngược lại, hôn nhân xuyên quốc gia cũng tiềm ẩn rủi ro do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và nguy cơ bạo lực gia đình. Ngoài ra, sự phát triển mạnh của các dịch vụ môi giới hôn nhân quốc tế đã thương mại hóa đời sống hôn nhân, đặt ra những vấn đề về pháp lý và bảo vệ quyền lợi phụ nữ kết hôn ngoại quốc.

3.2. Hôn nhân đan xen giữa truyền thống và hiện đại

Song song với sự gia tăng hôn nhân xuyên quốc gia, các giá trị truyền thống đang suy giảm và thay thế vào đó là những giá trị hiện đại. Ở nhiều quốc gia phương Tây, mặc dù các hình thức sống thử, độc thân, đồng giới trở nên phổ biến nhưng niềm tin tôn giáo, sự coi trọng hôn nhân chính thức và quan niệm về chung thủy vẫn là giá trị được đề cao. Các cuộc hôn nhân bên cạnh việc duy trì nghi lễ truyền thống vẫn áp dụng lối sống hiện đại, dân chủ [1, tr. 849].

Ở Việt Nam, sự đan xen giữa truyền thống và hiện đại khá phổ biến nhưng yếu tố truyền thống vẫn chiếm vị trí quan trọng trong đời sống hôn nhân. Theo đó, tỷ lệ người chấp nhận sống độc thân hoặc không kết hôn vẫn thấp, còn đa số thanh niên coi hôn nhân là mục tiêu quan trọng trong cuộc sống, phản ánh sức mạnh bền bỉ của chuẩn mực truyền thống, cũng như các giá trị chung thủy, tình nghĩa vợ chồng vẫn được duy trì rộng rãi. Nghiên cứu của Lê Ngọc Văn chỉ ra rằng, có 96% thanh niên coi sự chung thủy là giá trị cốt lõi trong hôn nhân. Trong khi đó, nhiều quan niệm cũ về hôn nhân, như trọng nam khinh nữ, sự áp đặt gia trưởng đang suy giảm, nhường chỗ cho bình đẳng giới và dân chủ trong gia đình [18, tr. 36]. Hôn nhân ngày càng gắn với giá trị hạnh phúc cá nhân mặc dù ý nghĩa vì gia đình vẫn rất quan trọng. Nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh cho thấy hơn 50% cho biết lý do họ kết hôn vì “yêu thì lấy” [13, tr. 6].

3.3. Đa dạng hóa hình thức hôn nhân

Trên thế giới, sự đa dạng hóa hình thức hôn nhân là một xu hướng nổi bật kể từ nửa sau thế kỷ XX. Các hình thức hôn nhân không còn chỉ giới hạn ở mô hình hôn nhân truyền thống giữa một nam và một nữ, mà còn bao gồm các mô hình khác như hôn nhân đồng giới, sống thử, hôn nhân giữa các chủng tộc và quốc gia khác nhau, cũng như đơn thân. Xu hướng này đã phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh các xã hội phương Tây nhất là sau cuộc cách mạng dân quyền và phong trào nữ quyền [9, tr.133-168].

Nếu trong xã hội truyền thống, hôn nhân được coi là điều kiện tiên quyết để hình thành gia đình thì ngày nay, nhiều hình thức mới đã xuất hiện và dần được xã hội chấp nhận. Các hiện tượng sống thử, sinh con ngoài hôn nhân, kết hôn đồng giới, hoặc duy trì đời sống độc thân ngày càng phổ biến. Tại Tây Âu, tỷ lệ kết hôn giảm mạnh, tuổi kết hôn trung bình tăng lên, trong khi các hình thức sống chung không đăng ký kết hôn và hôn nhân đồng giới gia tăng nhanh chóng [8, tr. 1-21]. Ở Hoa Kỳ, xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình là sự gia tăng nhanh chóng của các cuộc hôn nhân khác chủng tộc và khác sắc tộc. Điều này phản ánh mức độ cởi mở ngày càng cao của xã hội đối với sự đa dạng văn hóa, đồng thời cho thấy sự xói mòn của các rào cản truyền thống về sắc tộc và chủng tộc trong lựa chọn bạn đời. Bên cạnh đó, kết hôn muộn, tỷ lệ ly hôn cao và sự gia tăng của các hình thức sống thử hoặc sống độc thân cũng là những biểu hiện rõ ràng của sự chuyển dịch trong giá trị và hành vi hôn nhân [5, tr. 1]. Nhìn chung, việc đa dạng hóa

hình thức hôn nhân phản ánh những thay đổi trong nhận thức xã hội theo hướng đề cao quyền cá nhân, tự do lựa chọn và bình đẳng giới.

Một hình thức hôn nhân khác ở Trung Quốc là phụ nữ dân tộc thiểu số có xu hướng chọn “kết hôn đi lên”. Phụ nữ dân tộc thiểu số lựa chọn kết hôn với đàn ông người Hán ở đô thị để cải thiện điều kiện sống và vị thế xã hội. Điều này dẫn đến tình trạng nam giới thuộc các nhóm thiểu số, đặc biệt ở các vùng sâu vùng xa bị gạt ra khỏi thị trường hôn nhân. Hệ quả là tình trạng độc thân kéo dài, trầm cảm, bạo lực, thậm chí tự tử gia tăng ở các cộng đồng dân tộc thiểu số [9, tr. 403-414].

Tại Việt Nam, sự đa dạng hóa các hình thức hôn nhân cũng thể hiện rõ trong khoảng ba thập niên gần đây. Nếu trong thời kỳ bao cấp trở về trước, hôn nhân chủ yếu do cha mẹ hoặc cơ quan sắp đặt thì đến thời kỳ Đổi mới (từ năm 1986), cá nhân ngày càng có quyền tự quyết trong lựa chọn bạn đời. Hiện tượng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” đã suy giảm đáng kể. Thay vào đó là hôn nhân dựa trên tình yêu và sự đồng thuận của cả hai phía [18, tr. 36-37]. Cùng với sự phát triển của xã hội, hiện nay các hình thức mới như sống thử, làm mẹ đơn thân, hoặc sống độc thân ngày càng phổ biến đặc biệt ở thành thị. Sự biến đổi này là biểu hiện của sự tự do cá nhân nhưng cũng gây nhiều bất ổn khi hôn nhân không còn là nền tảng duy nhất của gia đình. Hôn nhân đồng giới, dù chưa được pháp luật công nhận, cũng dần được xã hội nhìn nhận cởi mở hơn [13, tr.4].

Có thể thấy, cả thế giới và Việt Nam đều đang trải qua tiến trình đa dạng hóa hình thức hôn nhân. Ở các nước phương Tây, hiện tượng này diễn ra từ khá sớm. Tại Việt Nam, xu hướng đa dạng hóa mới chỉ nổi bật trong vài thập niên qua nhưng cũng ngày càng có nhiều biến đổi so với hình thức hôn nhân truyền thống.

4. XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI GIA ĐÌNH TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Sự chuyển đổi từ gia đình mở rộng sang gia đình hạt nhân

Một trong những xu hướng nổi bật của gia đình trên phạm vi toàn cầu và đặc biệt ở nước ta là sự chuyển đổi từ gia đình mở rộng nhiều thế hệ sang mô hình gia đình hạt nhân. Trong lịch sử, mô hình gia đình mở rộng vốn được xem là trụ cột của xã hội truyền thống. Cấu trúc của loại gia đình truyền thống này thường bao gồm nhiều thế hệ cùng chung sống, duy trì sự gắn kết về huyết thống, quyền lực gia trưởng và cơ chế hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên. Tuy nhiên, kể từ cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XIX ở phương Tây, sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp hóa, đô thị hóa đã làm biến đổi cấu trúc gia đình. William Goode cho rằng sự lan rộng của công nghiệp hóa khiến các cá nhân ngày càng độc lập hơn với họ hàng và cộng đồng, từ đó dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của gia đình hạt nhân. Gia đình hạt nhân với quy mô nhỏ gọn và tính linh hoạt cao ngày càng phổ biến. Xu hướng thu hẹp quy mô gia đình phản ánh nhu cầu cá nhân hóa và độc lập trong đời sống hiện đại. Tuy nhiên, khi tuổi thọ tăng và tỷ lệ

sinh giảm, sự thu hẹp quy mô hộ gia đình cũng tạo ra những thách thức mới về chăm sóc người cao tuổi [9, tr.133-168]. Có thể thấy, sự chuyển đổi này gắn liền với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Khi nền kinh tế chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, vai trò của gia đình trong tổ chức sản xuất và phân công lao động dần suy giảm. Các cá nhân ngày càng tham gia vào thị trường lao động ngoài gia đình làm giảm sự phụ thuộc vào họ hàng và cộng đồng truyền thống. Trong bối cảnh đó, gia đình hạt nhân trở thành mô hình phù hợp hơn với nền kinh tế công nghiệp bởi tính linh hoạt trong di chuyển, khả năng thích ứng với thị trường lao động và mức độ tự chủ cao của các thành viên.

Tại Việt Nam, sự chuyển đổi hình thái gia đình cũng diễn ra tương tự, đặc biệt kể từ khi Đổi mới (1986) đến nay. Mô hình gia đình truyền thống “tam đại đồng đường” và “tứ đại đồng đường” vốn được xem là lý tưởng trong xã hội xưa đã dần nhường chỗ cho gia đình hạt nhân. Sự thay đổi này đặc biệt rõ nét tại các đô thị lớn, nơi nhịp sống công nghiệp và đô thị hóa mạnh mẽ khiến các thế hệ khó có điều kiện chung sống trong một mái nhà. Xu hướng gia đình hạt nhân và độc lập ngày càng gia tăng đặc biệt ở các gia đình trẻ. Điều này phản ánh sự thay đổi trong nhu cầu sống tự chủ, ít phụ thuộc vào gia đình mở rộng [18, tr. 37-39; 12, tr. 73]. Chính sự phát triển của các khu công nghiệp, khu đô thị mới làm thay đổi đáng kể cấu trúc cư trú của các gia đình. Trong không gian sống đô thị, việc nhiều thế hệ cùng chung sống trở nên khó khăn hơn khiến gia đình hạt nhân trở thành mô hình phổ biến.

Sự chuyển đổi hình thái gia đình ở Việt Nam vừa mang tính toàn cầu, vừa có yếu tố đặc thù. Nếu như ở các nước phương Tây, gia đình hạt nhân đã chiếm ưu thế từ thế kỷ XX, thì ở Việt Nam, quá trình này mới diễn ra mạnh trong khoảng ba thập niên gần đây. Mặc dù vậy, điểm chung là sự thay đổi này làm nổi bật tính độc lập cá nhân, đồng thời thách thức tính bền vững của các mối quan hệ liên thế hệ vốn được coi trọng trong truyền thống. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và di cư lao động làm thay đổi cấu trúc gia đình truyền thống khiến các thế hệ ngày càng khó duy trì việc chung sống trong cùng một mái nhà. Tại các thành phố lớn, tỷ lệ gia đình hạt nhân gia tăng mạnh, cho thấy sự thay đổi trong nhu cầu độc lập. Mặt khác, nhận thức của giới trẻ về gia đình cũng thay đổi theo hướng mong muốn có cuộc sống riêng tư, tự chủ hơn. Giới trẻ hiện nay coi trọng tự do và quyền lựa chọn, do đó việc sống độc thân hoặc kết hôn muộn trở thành xu hướng rõ rệt [12, tr. 71]. Giới trẻ Việt Nam đã bắt đầu chọn lựa gia đình dựa trên tự do cá nhân thay vì phụ thuộc vào những quy định xã hội [13, tr.6]. Những thay đổi này đặt ra những thách thức mới về việc duy trì gắn kết liên thế hệ và bảo vệ các giá trị gia đình truyền thống trong xã hội hiện đại.

4.2. Sự biến đổi vai trò và các mối quan hệ trong gia đình

Một trong những biến đổi quan trọng khác là sự thay đổi vai trò của các thành viên trong gia đình và các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Trên thế giới,

từ mô hình gia đình truyền thống với sự phân công lao theo hướng nam giới là trụ cột kinh tế, phụ nữ đảm nhiệm nội trợ đã dịch chuyển sang mô hình gia đình hiện đại bình đẳng và chia sẻ. Trong nhiều xã hội, phụ nữ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các quyết định quan trọng, từ tài chính, giáo dục đến sức khỏe, phản ánh sự gia tăng quyền tự chủ và bình đẳng giới [9, tr. 167-168]. Trong gia đình, vai trò của người con cũng ngày càng được đề cao và trẻ em cũng có vai trò ngày càng quan trọng trong gia đình. Ở các quốc gia phát triển, trẻ được khuyến khích tham gia vào quyết định gia đình cho thấy sự thay đổi từ quan hệ thứ bậc sang hợp tác. Đồng thời, vai trò của ông bà cũng dịch chuyển theo hướng hỗ trợ thành lực lượng hỗ trợ chăm sóc trẻ, nhất là trong bối cảnh cha mẹ bận rộn công việc. Tuy nhiên, sự thay đổi này không đồng đều. Ở nhiều khu vực như Nam Á hoặc châu Phi cận Sahara, chuẩn mực gia trưởng vẫn chi phối mạnh mẽ cho thấy tính đa dạng trong tiến trình biến đổi [2, tr. 1-10].

Tại Việt Nam, sự thay đổi vai trò của các thành viên trong gia đình cũng diễn ra rõ rệt. Trước đây, theo mô hình gia trưởng, người chồng giữ quyền quyết định tối cao trong khi phụ nữ chủ yếu giữ vai trò nội trợ và ít có tiếng nói trong gia đình. Từ sau Đổi mới, phụ nữ ngày càng khẳng định vị thế khi tham gia thị trường lao động. Phụ nữ không chỉ đóng góp kinh tế mà còn có vai trò lớn trong các quyết định quan trọng của gia đình. Nam giới cũng bắt đầu chia sẻ việc nhà, chăm sóc con cái, đặc biệt trong các gia đình trẻ ở đô thị. Quan hệ vợ chồng hiện nay được xây dựng nhiều hơn trên tình cảm, sự tôn trọng và chia sẻ, thay vì chỉ dựa vào nghĩa vụ. Người con trong gia đình cũng được trao quyền tự chủ hơn, được tham gia vào quyết định học tập, nghề nghiệp và thậm chí có quyền quyết định hôn nhân của bản thân. Điều này phản ánh quá trình dân chủ hóa quan hệ giữa các thành viên trong gia đình [13, tr. 10-12].

Có thể thấy, cả thế giới và Việt Nam đều chứng kiến sự thay đổi vai trò và quan hệ gia đình theo hướng bình đẳng và dân chủ hơn. Tại Việt Nam, quá trình này vừa mang tính kế thừa truyền thống vừa mang tính đột phá hiện đại, tạo nên sự đan xen độc đáo trong cấu trúc và quan hệ gia đình. Sự thay đổi vai trò giới trong gia đình gắn liền với sự biến đổi của cơ cấu kinh tế và thị trường lao động. Vị thế của phụ nữ được nâng cao khi ngày càng tham gia nhiều hơn vào hoạt động kinh tế và có thu nhập độc lập. Quyền tham gia vào các quyết định quan trọng của gia đình không còn tập trung chủ yếu vào nam giới mà có sự chia sẻ giữa các thành viên.

5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG BIẾN ĐỔI HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM HIỆN NAY

Sự biến đổi của hôn nhân và gia đình trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế bên cạnh những cơ hội, như giao lưu hội nhập quốc tế, hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại, ... nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức, như:

Một là, gia tăng tỷ lệ ly hôn và gia đình đơn thân

Trên phạm vi toàn cầu, tỷ lệ ly hôn có xu hướng gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt tại các nước công nghiệp phát triển. Hệ quả là số lượng gia đình đơn thân, nhất là do phụ nữ làm chủ hộ, ngày càng nhiều [1, tr.860]. Năm 2004, khoảng 20% phụ nữ Nhật Bản sinh sau năm 1970 và khoảng ¼ số phụ nữ Đài Loan trong độ tuổi 15-29 đã lựa chọn sống chung không kết hôn. Cùng với đó, từ năm 1980, tỷ lệ ly hôn gia tăng tại Nhật Bản và Hàn Quốc. Tương tự, ở Trung Quốc, giai đoạn 1995-2000 tỷ lệ ly hôn tăng lên nhanh chóng [7, tr. 471-492]. Tại Việt Nam, hiện tượng ly hôn và gia đình đơn thân cũng không còn xa lạ. Tình trạng sống thử, mẹ đơn thân, và hôn nhân muộn cũng ngày càng phổ biến. Sự gia tăng của những hiện tượng như ly hôn, sống thử, bạo lực gia đình... làm ảnh hưởng đến sự ổn định của thiết chế gia đình. Mỗi năm có hàng trăm nghìn vụ ly hôn được giải quyết. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, riêng năm 2024 cả nước có 182.355 vụ ly hôn đã xét xử [16, tr. 1]. Trong đó, các cặp vợ chồng trẻ chiếm đa số ở các vụ ly hôn [14, tr.110]. Gia đình đơn thân dẫn đến nhiều hệ quả như trẻ em thiếu sự chăm sóc đầy đủ từ cả cha và mẹ, gánh nặng kinh tế đè nặng lên một bên, đồng thời đặt ra yêu cầu về các chính sách hỗ trợ đặc thù cho nhóm gia đình này.

Hai là, bất bình đẳng về giới và quyền lợi trong hôn nhân

Hôn nhân, nhất là hôn nhân xuyên quốc gia là một xu hướng phát triển nhanh tại nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Hình thức hôn nhân này mở ra cơ hội giao lưu văn hóa nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ mới [4, tr. 77]. Thực tế cho thấy, phụ nữ Việt Nam ở các vùng nông thôn, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với đàn ông đến từ Hàn Quốc, lãnh thổ Đài Loan, Trung Quốc... chủ yếu vì lý do kinh tế. Điều này tạo ra nguy cơ bất bình đẳng quyền lực trong gia đình và thậm chí là bạo lực gia đình xuyên quốc gia. Ngoài ra, sự tồn tại của các dịch vụ môi giới hôn nhân quốc tế đã thương mại hóa hôn nhân, biến hôn nhân thành một hình thức di cư kinh tế trá hình [15, tr. 8-12]. Vấn đề đặt ra là cần khung pháp lý đủ mạnh để bảo vệ phụ nữ di cư kết hôn, đồng thời kiểm soát hoạt động môi giới bất hợp pháp. Đây là thách thức không chỉ của Việt Nam mà còn của nhiều quốc gia châu Á trong bối cảnh hội nhập.

Ba là, thiếu hụt, khó khăn khi chăm sóc người cao tuổi trong bối cảnh gia đình hạt nhân

Trong bối cảnh hiện nay, tuổi thọ dân số ngày càng tăng trong khi tỷ lệ sinh lại giảm mạnh, quy mô hộ gia đình có xu hướng thu hẹp, dẫn đến nhiều thách thức mới, đặc biệt là vấn đề chăm sóc người cao tuổi. Khi các gia đình trở nên nhỏ gọn và độc lập hơn, sự hỗ trợ truyền thống từ đại gia đình bị suy yếu, khiến cho việc chăm sóc người cao tuổi cũng như duy trì gắn kết giữa các thế hệ trở thành mối quan ngại lớn [9, tr. 168]. Mô hình gia đình hạt nhân vốn mang lại tính linh hoạt, sự độc lập cho các cá nhân, nhưng lại làm suy giảm khả năng duy trì sự chăm sóc liên thế hệ và truyền thụ giá trị văn hóa truyền thống. Đây là một trong những hệ quả của sự biến đổi hôn nhân và gia

đình trong quá trình hiện đại hóa và đô thị hóa trên phạm vi toàn cầu. Việc thiếu vắng các nguồn lực hỗ trợ truyền thống khiến những giá trị gia đình vốn được duy trì qua nhiều thế hệ bị suy yếu, đồng thời tạo ra những áp lực mới đối với hệ thống an sinh xã hội. Sự thiếu hụt các cơ chế hỗ trợ từ gia đình mở rộng đã khiến cho nhiều gia đình nhỏ, đặc biệt là các hộ đơn thân dễ rơi vào tình trạng tổn thương, cả về kinh tế lẫn tinh thần. Chính điều này làm gia tăng gánh nặng cho các chính sách xã hội, đặc biệt là trong việc bảo đảm quyền lợi cho trẻ em, phụ nữ đơn thân, cũng như thiết kế chính sách hỗ trợ người cao tuổi.

Tại Việt Nam, quá trình này cũng đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Xu hướng di cư của lao động trẻ khiến tỷ lệ người cao tuổi sống một mình ngày càng tăng. Trong bối cảnh đó, nhiều người cao tuổi rơi vào tình trạng cô đơn, thiếu thốn sự quan tâm thường xuyên, dễ bị tổn thương về sức khỏe và tinh thần [14, tr. 109-110]. Đây là thách thức không chỉ đối với từng gia đình mà còn cho cả hệ thống phúc lợi xã hội. Để ứng phó, Việt Nam cần phát triển một hệ thống an sinh xã hội chuyên biệt cho người cao tuổi, bao gồm dịch vụ chăm sóc dài hạn, hệ thống viện dưỡng lão hiện đại, cũng như các chính sách y tế thân thiện, phù hợp với nhu cầu thể chất và tâm lý của người cao tuổi. Nếu không có giải pháp kịp thời và toàn diện, gánh nặng chăm sóc người cao tuổi sẽ trở thành vấn đề xã hội nan giải trong bối cảnh dân số Việt Nam đang già hóa nhanh chóng.

Bốn là, sự xung đột giá trị của hôn nhân, gia đình giữa truyền thống và hiện đại

Biến đổi hôn nhân và gia đình không chỉ thể hiện qua sự thay đổi hình thái gia đình và vai trò của các thành viên trong gia đình mà còn tạo ra sự xung đột về giá trị. Trong xã hội hiện đại, thế hệ trẻ ngày càng đề cao tính cá nhân, tự do và bình đẳng, coi hôn nhân là sự lựa chọn dựa trên tình yêu và sự đồng thuận hơn là nghĩa vụ với gia đình hay xã hội. Ngược lại, các thế hệ lớn tuổi vẫn coi trọng các chuẩn mực truyền thống như hiếu kính, vai trò gia trưởng, cũng như quan niệm sinh con để nối dõi [13, tr. 8-12]. Chính sự khác biệt trong định hướng giá trị này đã tạo nên khoảng cách thế hệ ngày càng rõ nét. Ở Việt Nam, sự xung đột giá trị thể hiện qua những khác biệt trong quan niệm về hôn nhân và gia đình. Giới trẻ sẵn sàng chấp nhận ly hôn khi hôn nhân không còn hạnh phúc trong khi thế hệ cha mẹ vẫn coi đó là điều cấm kỵ. Xu hướng sống thử trước hôn nhân ngày càng được giới trẻ ủng hộ nhưng vẫn vấp phải sự phản đối từ người lớn tuổi. Bên cạnh đó, trong khi thế hệ trẻ có thái độ cởi mở hơn đối với hôn nhân đồng giới thì thế hệ lớn tuổi thường giữ quan điểm cho rằng điều này đi ngược lại truyền thống. Sự khác biệt này dẫn đến mâu thuẫn giữa các thế hệ, thậm chí làm rạn nứt quan hệ gia đình.

Năm là, những khó khăn, thách thức trong công tác quản lý về hôn nhân, gia đình

Sự đa dạng hóa hình thức hôn nhân như sống thử, hôn nhân đồng giới, gia đình đơn thân hay hộ độc thân, đang đặt ra những thách thức lớn đối với khung pháp luật và

chính sách hiện hành. Thực tế cho thấy, những hình thức này phản ánh nhu cầu ngày càng cao về tự do cá nhân và bình đẳng trong đời sống hôn nhân, gia đình. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn chậm trong việc theo kịp biến đổi xã hội. Trong khi xã hội ngày càng có cái nhìn cởi mở hơn thì Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chưa công nhận hôn nhân đồng giới [17, 1]. Các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền nuôi con, quyền thừa kế, tài sản chung trong các gia đình không đăng ký kết hôn vẫn còn nhiều khoảng trống. Bên cạnh đó, việc quản lý hôn nhân xuyên quốc gia cũng còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em. Hôn nhân xuyên quốc gia cũng bộc lộ những hạn chế trong quản lý do nhiều cuộc hôn nhân diễn ra qua môi giới [14, tr. 111].

Biến đổi hôn nhân và gia đình còn gắn liền với những vấn đề công bằng xã hội. Các gia đình giàu thường có nhiều cơ hội tiếp cận dịch vụ chăm sóc trẻ em, giáo dục, y tế, trong khi các gia đình nghèo dễ bị tổn thương trước biến cố như ly hôn, mất việc hoặc bệnh tật. Tại Việt Nam, sự chênh lệch giàu nghèo và phân hóa vùng miền khiến vấn đề gia đình càng trở nên phức tạp. Do đó, chính sách về gia đình cần gắn với chính sách giảm nghèo, bảo đảm an sinh, thu hẹp khoảng cách phát triển vùng miền.

Nhìn chung, quá trình biến đổi hôn nhân và gia đình đã, đang đặt ra nhiều vấn đề mới. Gia đình đang đứng trước sự bất ổn do ly hôn, gia đình đơn thân, thách thức chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ quyền lợi trong hôn nhân xuyên quốc gia, xung đột giá trị truyền thống - hiện đại và những thách thức trong quản lý. Những vấn đề này phản ánh xu hướng toàn cầu. Tuy nhiên, điểm đặc thù ở Việt Nam là quá trình biến đổi diễn ra song song với việc bảo lưu nhiều giá trị truyền thống. Để ứng phó, Nhà nước cần có chính sách theo hướng vừa kế thừa, vừa đổi mới nhằm bảo đảm hôn nhân và gia đình tiếp tục là nền tảng vững chắc của xã hội.

6. KẾT LUẬN

Hôn nhân và gia đình là thiết chế xã hội cơ bản, luôn biến đổi theo tiến trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong những năm gần đây, quá trình này diễn ra nhanh chóng và phức tạp, với nhiều xu hướng khác nhau. Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các hình thức hôn nhân ngày càng đa dạng. Gia đình nhiều thế hệ dần thu hẹp nhường chỗ cho gia đình hạt nhân. Vai trò và quan hệ trong hôn nhân, gia đình thay đổi theo hướng dân chủ và bình đẳng hơn. Cùng với đó là sự xuất hiện nhiều mô hình mới như hôn nhân xuyên quốc gia, gia đình đơn thân hay hộ độc thân, ... Những biến đổi này phản ánh xu hướng cá nhân và dân chủ trong đời sống xã hội, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và mở rộng quyền lựa chọn của cá nhân. Tuy nhiên, sự biến đổi đời sống hôn nhân và gia đình cũng đặt ra nhiều vấn đề như gia tăng ly hôn và gia đình đơn thân, thách thức trong chăm sóc người cao tuổi, xung đột giá trị truyền thống- hiện đại và những thách thức trong quản lý hôn nhân, gia đình. Nhìn chung, biến đổi hôn nhân và

gia đình không phải là sự suy thoái mà là một quá trình thích ứng tất yếu. Vì vậy, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách và pháp luật về hôn nhân và gia đình, xây dựng hệ thống an sinh xã hội phù hợp, giáo dục các giá trị hôn nhân và gia đình theo hướng hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Andrew Cherlin (2004). The deinstitutionalization of American marriage, *Journal of marriage family*, 66(4), p. 848-861.
- [2]. Antti Tanskanen, Mirkka Danielsbacka (2018). *Intergenerational Family Relations: An Evolutionary Social Science Approach*, Finland: Routledge.
- [3]. Cục Thống kê, UNFPA, Vital Strategies (2025). *Báo cáo quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2021 – 2024*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [4]. Danièle Bélanger, Tran Giang Linh (2011). The impact of transnational migration on gender and marriage in sending communities of Vietnam, *Current sociology*, 59(1), p. 59-77, Website: <https://doi.org/10.1177/0011392110385970>.
- [5]. Gretchen Livingston, Anna Brown (2017). *Intermarriage in the U.S. 50 Years After Loving v. Virginia*, Website: <https://www.pewresearch.org/social-trends/2017/05/18/intermarriage-in-the-u-s-50-years-after-loving-v-virginia/>.
- [6]. Hill Kulu, Tina Hannemann (2019). Mixed marriage among immigrants and their descendants in the United Kingdom: Analysis of longitudinal data with missing information, *Population Studies*, 73(2), p.179-196, Website: <https://doi.org/10.1080/00324728.2018.1493136>.
- [7]. James M Raymo, Hyunjoon Park, Yu Xie, Wei-jun Jean Yeung (2015). Marriage and family in East Asia: Continuity and change. *Annual review of sociology*, 41(1), p. 471-492.
- [8]. Kathlee Kiernan (2001). The rise of cohabitation and childbearing outside marriage in Western Europe, *International journal of law, policy the family*, 15(1), p. 1-21.
- [9]. Luca Maria Pesando (2019). Global Family Change: Persistent Diversity with Development. *Popul Dev Rev*, 45(1), p. 133-168, Website: <https://doi.org/10.1111/padr.12209>.
- [10]. Shenghai Hea, John Eade (2015). Unequal Marriage Exchange Between Majority and Minority Groups: A Case Study From Inner Mongolia, China, *Sociology Study*, 5(5), p. 403-414.
- [11]. Shuya Lu, Wei-Jun Jean Yeung. 2024. The rise in cross-national marriages and the emergent inequalities in East and Southeast Asia. *Sociology Compass*. e13219. Tr1-16. <https://doi.org/10.1111/soc4.13219>
- [12]. Tống Thùy Linh (2021). Loại hình gia đình mới ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, Số 2(31), tr. 64 - 74.
- [13]. Nguyễn Hữu Minh (2022). Một số xu hướng biến đổi hôn nhân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 1, tr. 3 - 16.

- [14]. Trần Kim Ngọc (2024). Nhận định về một số xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình: định hướng củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại, *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, tập 13 số 01, tr. 108 - 113. Website: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1226>.
- [15]. Trần Thị Minh Thi (2022). Một số quan điểm lý thuyết về xu hướng hôn nhân quốc tế đương đại và những vấn đề đặt ra, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 6, tr. 3 - 14.
- [16]. Tổng cục Thống kê (2026). *Số vụ ly hôn đã giải quyết theo tỉnh và cấp xét xử*. Cơ sở dữ liệu PX-Web. Truy cập ngày 11/3/2026. <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0231&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20C4%91%E1%BB%99ng>
- [17]. Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình*, Số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx>
- [18]. Lê Ngọc Văn (2017). Hệ giá trị gia đình Việt Nam: truyền thống và đổi mới, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11, tr. 33 – 41.

CHANGING TRENDS AND ISSUES REGARDING MARRIAGE AND FAMILY TODAY IN THE WORLD AND IN VIET NAM

Bui Thi Van Anh

Faculty of Ethnic Studies and Religion, Regional Political Academy III

Email: vananhhv3@gmail.com

ABSTRACT

In recent decades, processes of industrialization, urbanization, and international integration have profoundly reshaped patterns of marriage and family both globally and in Vietnam. Marriage has become increasingly diverse, marked by a growing prevalence of cross-border unions, greater individual autonomy, and an emphasis on gender equality. Family structures have likewise evolved, shifting from extended, multi-generational households toward more compact and flexible nuclear forms that prioritize independence. These changes are accompanied by increased participation of women in the labor market, a more equitable distribution of domestic responsibilities among men, and greater autonomy for children.

While such transformations reflect progressive social values, they also give rise to a range of emerging challenges, including rising divorce rates, tensions between traditional and modern norms, and complexities in the governance and regulation of marriage and family life. Drawing on a comprehensive literature review combined with analytical, synthetic, and comparative approaches, this article examines key trends and identifies several contemporary issues related to marriage and family at both the global level and within the Vietnamese context.

Keywords: marriage transformation, family transformation, marriage, family.